

QUAN HỆ CHÍNH TRỊ - NGOẠI GIAO VIỆT NAM - LÀO GIAI ĐOẠN 1975 - 1986

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NAM*

Sau hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống kẻ thù chung là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ thắng lợi, nhiệm vụ giải phóng dân tộc đã hoàn thành trọn vẹn trên cả hai nước. Việt Nam và Lào bước ra khỏi cuộc chiến với tư cách là người chiến thắng. Đó là điều kiện tiền đề, mở đường cho hai nước thực hiện mục tiêu chiến lược tiếp theo: Xây dựng đất nước theo con đường XHCN nhưng trước mắt hai nước tiến hành khắc phục hậu quả nặng nề của chế độ cũ để lại, hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục phát triển kinh tế - xã hội, ổn định tình hình mọi mặt. Quan hệ lịch sử của hai nước mở ra một thời kỳ mới đầy triển vọng và được thiết lập trên tất cả các mặt: chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội... Trong bài viết này chúng tôi đi sâu giới thiệu mối quan hệ chính trị - ngoại giao Việt Nam - Lào giai đoạn 1975 - 1986.

Tháng 10-1975, Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã ra hoạt động công khai sau 20 năm hoạt động bí mật, cùng với

sự kiện ra đời của Nhà nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào (2-12-1975) và CHXHCN Việt Nam được thành lập (2-7-1976) đã đưa quan hệ Việt - Lào sang một trang mới. Đó là quan hệ giữa hai Đảng cầm quyền, đồng thời là quan hệ giữa hai Nhà nước độc lập có chủ quyền, thống nhất, tự nguyện đoàn kết liên minh với nhau trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, tinh thần quốc tế vô sản.

Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc đọc ngày 1-12-1975, tại thủ đô Viên Chăn của ông Cayxôn Phômvihản đã nêu rõ: "*Thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, hoà bình, hữu nghị và không liên kết nhằm xây dựng thành công một nước Lào hoà bình, độc lập, dân chủ, thống nhất, phồn vinh, tiến bộ xã hội*", nhất là "*xây dựng môi quan hệ hoà bình, hữu nghị với các nước láng giềng*", "*đoàn kết và hợp tác với nhân dân Việt Nam và Campuchia anh em để bảo vệ mọi thành quả của cách mạng và xây dựng đất nước cho phù hợp với nguyện vọng của*

* Nguyễn Thị Phương Nam, Học viện Chính trị Khu vực I.

nhân dân ta"⁽¹⁾. Đảng và Nhà nước Việt Nam sau khi thống nhất đất nước, đã thực hiện chính sách đối ngoại của mình nhằm góp phần cùng các nước XHCN, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, củng cố khối đoàn kết, tăng cường giúp đỡ lẫn nhau. Văn kiện Đại hội IV nêu rõ: "*Ra sức bảo vệ và phát triển mối quan hệ đặc biệt giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia*"⁽²⁾. Tình đoàn kết, lòng tin cậy, sự hợp tác lâu dài, giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt giữa hai nước dựa trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau. Điều đó thể hiện qua việc ký kết hàng loạt các hiệp định nhằm tạo cơ sở chính trị và pháp lý cho sự hợp tác toàn diện và lâu dài.

Về hoạt động ngoại giao, ông Cayxôn Phômvihán - Tổng Bí thư Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Thủ tướng Chính phủ Lào dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ nước CHDCND Lào sang thăm Việt Nam từ ngày 5 đến 11-2-1976. Đây là đoàn đại biểu cấp cao nhất của Lào lần đầu tiên đi thăm nước ngoài sau thắng lợi hoàn toàn của cách mạng giải phóng dân tộc. Đoàn có hai Phó Thủ tướng và nhiều vị Bộ trưởng, Thứ trưởng trong Chính phủ. Mục đích nhằm tăng cường tình đoàn kết chiến đấu vĩ đại và quan hệ hợp tác hữu nghị giữa hai Đảng và nhân dân hai nước để phát huy thắng lợi của Lào trên trường quốc tế. Nhân dân Việt Nam đón tiếp các vị khách quý Lào với những tình cảm thắm thiết nhất, dạt dào tình nghĩa anh em. Hai bên đã ra *Tuyên bố chung Việt Nam - Lào ngày 11-2-1976* và *Hiệp*

định về hợp tác kinh tế - văn hoá và khoa học - kỹ thuật ngày 31-8-1976. Tuyên bố chung và Hiệp ước khẳng định nhân dân hai nước bước vào giai đoạn mới, quyết tâm phấn đấu củng cố độc lập dân tộc và xây dựng đất nước phồn vinh, phù hợp với điều kiện riêng của mỗi nước.

Từ ngày 15 - 18-7-1977, Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam do ông Lê Duẩn- Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng và ông Phạm Văn Đồng - Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ dẫn đầu sang thăm hữu nghị chính thức nước Lào. Đây cũng là lần đầu tiên, Việt Nam có đoàn đại biểu cấp cao sang thăm Lào kể từ khi sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân hai nước giành được thắng lợi hoàn toàn. Đối với Lào, đây cũng là lần đầu tiên đón một đoàn cấp cao của Việt Nam sang thăm. Cuộc viếng thăm này nhằm tăng cường mối quan hệ đặc biệt, tăng cường sự hợp tác lâu dài và giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt vì lợi ích bảo vệ và xây dựng đất nước của nhân dân mỗi nước; góp phần tạo thêm thế và lực cho nhau, đề cao vị trí quốc tế của mỗi nước, thúc đẩy xu thế độc lập, hoà bình và trung lập thật sự ở Đông Nam Á; góp phần xây dựng mối quan hệ đúng đắn giữa các Đảng, các nước XHCN anh em. Trong cuộc đi thăm này, hai nước đã ký kết:

+ *Tuyên bố chung Việt Nam - Lào ngày 18-7-1977.*

+ *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa CHXHCN Việt Nam và CHDCND Lào, ngày 18-7-1977.*

+ *Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHDC nhân dân Lào, ngày 18-7-1977.*

+ *Hiệp ước về nước CHXHCN Việt Nam viện trợ không hoàn lại và cho vay không lấy lãi trong 3 năm (1978 - 1980), ký ngày 18-7-1977.*

Hiệp ước hữu nghị và hợp tác (7-1977) là một Hiệp ước toàn diện nhất, quan trọng nhất cho một thời hạn lâu dài, là cơ sở chính trị và pháp lý quan trọng để củng cố và tăng cường lâu dài tình đoàn kết và mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào. Hiệp ước khẳng định mối quan hệ hữu nghị đặc biệt, liên minh đoàn kết chiến đấu và hợp tác toàn diện giữa hai dân tộc không chỉ trong sự nghiệp giải phóng dân tộc mà còn cả trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đây là mốc lịch sử quan trọng đánh dấu bước ngoặt mới trong quan hệ giữa hai nước.

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng NDCM Lào tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (4-1982) khẳng định: "Trong cách mạng dân tộc dân chủ, liên minh Lào - Việt Nam và liên minh Lào - Việt Nam - Campuchia đã là một trong những nhân tố cơ bản quyết định mọi thắng lợi của cách mạng nước ta. Ngày nay, đi vào bảo vệ đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội, cả ba nước vẫn cùng chung một mục tiêu, lý tưởng, cùng chung một kẻ thù, do đó sự liên minh, hợp tác giữa ba nước không những phải được củng cố không ngừng, mà cần phải được phát triển một

cách toàn diện với chất lượng mới vì lợi ích sống còn của đất nước"⁽³⁾.

Đại hội ĐCS Việt Nam toàn quốc lần thứ V (2-1982) tiếp tục khẳng định: "Giữ gìn tình hữu nghị trong sáng và truyền thống đoàn kết giữa ba dân tộc, không ngừng củng cố và tăng cường quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu giữa ba nước", "Luôn luôn hết lòng, hết sức làm tròn nhiệm vụ quốc tế đối với hai nước anh em, đồng thời cùng hai nước hợp tác chặt chẽ và giúp đỡ nhau về mọi mặt để phục vụ ngày càng có hiệu quả công cuộc củng cố quốc phòng, an ninh và xây dựng kinh tế, văn hoá của mỗi nước"⁽⁴⁾.

Để tăng cường đoàn kết Việt - Lào, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương ĐCS Việt Nam ra Nghị quyết số 10/4 - 1983 và Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng NDCM Lào ra Nghị quyết số 35/1983 nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên hai Đảng và nhân dân hai nước về sự hợp tác toàn diện và liên minh đoàn kết Việt Nam - Lào tiếp tục được củng cố trên tất cả các mặt chính trị đối ngoại, an ninh quốc phòng, kinh tế - văn hoá. Năm 1985, Bộ Chính trị hai nước tiến hành hội đàm trên hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trước đây, trong cuộc đấu tranh chung giải phóng dân tộc quan hệ giữa hai dân tộc về mặt quân sự là quan hệ giữa hai dân tộc láng giềng cùng chung một chiến hào, cùng chia ngọt xẻ bùi để chiến thắng chống ngoại xâm. Do vậy, quan hệ chính trị - quân sự trở thành vấn đề quan trọng mang tính quyết định đối với sự sống còn của hai nước, là

trọng tâm chi phối mọi mối quan hệ khác. Sau khi hoà bình lập lại, độc lập - tự do đến với mỗi nước, quan hệ hợp tác quân sự ở mỗi quốc gia đã chuyển sang một bước mới nhằm đáp ứng nhiệm vụ mới. Nhiệm vụ quốc phòng - an ninh vẫn luôn được xác định là vấn đề quan trọng trong quan hệ hợp tác, phải phục vụ cho sự giữ vững hoà bình, độc lập dân tộc, ổn định trật tự an ninh - xã hội của hai quốc gia và khu vực. Yếu tố lợi ích về an ninh và phát triển là yếu tố lâu dài, bất biến. Do vị trí địa lý, mọi vấn đề an ninh và phát triển của mỗi nước đều tác động đến tình hình của nhau.

Trong Tuyên bố chung Việt Nam - Lào ngày 11-2-1976 hai nước cho rằng tình hình thế giới hiện tại là sự lớn mạnh không ngừng của lực lượng hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội; là sự thay đổi trong so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng các nước, khả năng đẩy mạnh cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội đang tăng lên. "Chủ nghĩa đế quốc còn nhiều âm mưu thâm độc, vẫn ra sức tập hợp lực lượng, dùng mọi thủ đoạn gây rối, chia rẽ, phá hoại và lật đổ hòng phản kích các lực lượng cách mạng; vì vậy nhân dân thế giới cần tăng cường đoàn kết và nâng cao cảnh giác."⁽⁵⁾ Hai bên nhất trí ra sức củng cố tăng cường tình đoàn kết, sự hợp tác lâu dài và giúp đỡ lẫn nhau giữa hai Đảng và hai nước trên tinh thần: Kết hợp đúng đắn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, vì lợi ích mỗi dân tộc đồng thời vì lợi ích của cách mạng ở Đông Nam châu Á và trên thế giới. Hai

nước phối hợp chặt chẽ với nhau chống chủ nghĩa đế quốc và phản động tay sai theo yêu cầu mỗi bên, hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Sau giải phóng tình hình Lào rất phức tạp, các lực lượng phản động chống đối trở dậy lên lút tập kích vào các doanh trại quân đội Lào làm cho tình thế giải quyết luôn có sự giằng co, nan giải. Đứng trước nguy cơ đe dọa đó, tháng 12-1976 Bộ Chính trị Lào chính thức yêu cầu bộ đội Việt Nam quay trở lại hỗ trợ để tăng thêm sức mạnh của lực lượng quân đội, nhằm ổn định tình hình an ninh trật tự, khi Lào tạm ổn quân tình nguyện Việt Nam sẽ rút hết về nước. Ngày 22-9-1977, Hiệp định hợp tác phòng thủ hai Bộ Quốc phòng đã ký kết; ngày 23-2-1984, Chính phủ hai nước đã ký Hiệp định liên minh quân sự. Điều đó khẳng định sự hợp pháp hoá về mặt pháp lý quốc tế việc có mặt của quân đội Việt Nam tại Lào, thể hiện tình đoàn kết chiến đấu sống chết có nhau của nhân dân hai nước và thể hiện tinh thần tương trợ quốc tế vô sản trong sáng cao cả. Hai nước còn giúp nhau trong đào tạo chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm về xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng cơ sở nhân dân và tham gia xây dựng kinh tế địa phương, nghiên cứu khoa học quân sự. Tính đến cuối năm 1981, riêng số học sinh quân sự Lào ở Việt Nam là 1.896 người⁽⁶⁾.

Mặt khác, trên mặt trận an ninh - quốc phòng, hai bên phối hợp triệt phá

những chiến dịch xâm nhập phá hoại của các tổ chức phản động Lào lưu vong cấu kết với các lực lượng quốc tế thù địch. Lực lượng biên phòng Việt Nam phối hợp với các lực lượng vũ trang của Lào bảo vệ tuyến biên giới dài 2.057 km, phối hợp với nhau trong bảo vệ tuyến biên giới Lào - Thái Lan, trong các chiến dịch tiêu phi ở Xiêng Khoảng, Viêng Chăn, Xavannakhét góp phần làm phá sản kế hoạch hậu chiến của Mỹ đối với Lào, bảo vệ sự nghiệp cách mạng và công cuộc xây dựng chế độ xã hội mới ở hai nước.

Quân đội hai nước còn hợp tác giúp nhau xây dựng kinh tế, cơ sở hậu cần. Đầu những năm 1980, theo yêu cầu của Lào, phía Việt Nam đã cử nhiều chuyên gia, cán bộ kỹ thuật và thành lập các đơn vị kinh tế chuyên nghiệp giúp Lào như xây dựng Nhà máy quốc phòng 7701 (Viên Chăn), xưởng nấu thép, sửa xe các loại, sửa chữa súng, tham gia sản xuất một số mặt hàng vật dụng. Quân khu IV và một số đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam hỗ trợ bộ đội Lào thực hiện nhiệm vụ: "Mở cửa ra hướng Đông". Công ty Phát triển miền núi thuộc Bộ Quốc phòng của Lào có điều kiện khai thác kinh doanh tổng hợp đã đưa gỗ ở Lắc Xao theo đường 8 ra cảng Xuân Hải đi Nhật Bản.

Một trong những thành quả quan trọng trong quan hệ chính trị - ngoại giao Việt Nam - Lào trong giai đoạn này là việc hợp tác giải quyết vấn đề biên giới Việt - Lào: Biên giới hai nước có tổng chiều dài hơn 2.057 km, chạy dọc theo những đỉnh núi cao của các triền núi ngăn cách giữa hai nước ở dải Pu

sam xấu, Trường Sơn. Biên giới Việt - Lào cơ bản được hình thành từ lâu trong lịch sử. Đến thời thuộc Pháp, biên giới này trở thành biên giới hành chính trong Đông Dương thuộc Pháp. Tuy nhiên, nó không phải là quốc giới được chính thức hoạch định bằng những hiệp ước giữa hai nước có độc lập, chủ quyền và được chính thức cắm mốc theo luật pháp và tập quán quốc tế. Trải qua các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ (1945 - 1975), nhân dân hai nước đã tựa lưng vào dải Trường Sơn đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung. Khi đó, những dòng người giáp biên của hai nước có những lúc liên tục chuyển cư để tránh bom rơi, đạn lạc và tìm kiếm những nương rẫy tốt tươi định cư; cộng với hoạt động của những cán bộ chiến sĩ Việt - Lào nên thời chiến biên giới không còn là bức tường ngăn cách. Để phối hợp với chiến trường chính, góp phần làm nên thắng lợi chung của ba dân tộc Đông Dương, Lào đồng ý cho Việt Nam mở đường mòn Hồ Chí Minh chạy qua nhiều đoạn lãnh thổ. Đặc thù lịch sử đó đã để lại nhiều vấn đề vừa tế nhị vừa phức tạp tất yếu trong việc giải quyết vấn đề biên giới ở thời bình. Tuy nhiên, hai nước có nhiều thuận lợi trong việc hợp tác chặt chẽ để giải quyết vấn đề biên giới, sớm tìm được tiếng nói chung trong hoạch định biên giới quốc gia. Sau những lần trao đổi sơ bộ giữa hai nước năm 1973, 1974, ngày 10-2-1976 đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam cùng Lào đã thoả thuận tiến hành đàm phán để hoạch định biên giới giữa hai nước. Hai đoàn cao cấp Trung ương hai nước họp trao đổi tại Hà Nội từ ngày

mùng 1 đến 5-3-1976 và tiếp theo là 3 đợt làm việc tại Viên Chăn. Đến ngày 11-12-1976, hai bên thoả thuận hoạch định xong toàn bộ đường biên giới Việt - Lào để đi tới ký kết.

Ngày 18-7-1977, Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa CHXHCN Việt Nam và CHDCND Lào do Phó Thủ tướng Phạm Hùng và Phó Thủ tướng Phun Xipaxôt thay mặt Chủ tịch hai nước ký kết tại Viên Chăn. Việc ký kết Hiệp định hoạch định biên giới quốc gia nhằm "Không ngừng củng cố và phát triển mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào trên cơ sở những nguyên tắc: Hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, tôn trọng những lợi ích chính đáng của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không ngừng tăng cường đoàn kết và tin cậy lẫn nhau, hợp tác về mọi mặt theo nguyên tắc cùng có lợi và hết lòng giúp đỡ nhau"⁽⁸⁾. Đây là Hiệp ước đầu tiên về biên giới trong lịch sử hai nước và cũng là một sự kiện chính trị lịch sử với nội dung phù hợp với lợi ích trước mắt và lâu dài của nhân dân hai nước.

Từ năm 1975 - 1985, Đông Dương theo con mắt bên ngoài vẫn là một chiến trường, các thế lực phản động quốc tế và trong nước âm mưu chia rẽ khối đoàn kết và xây dựng đất nước của 3 nước. Nhân dân 3 nước, trong đó có Việt Nam và Lào đã phải phối hợp chặt chẽ với nhau tăng cường cảnh giác, đập tan mọi âm mưu chia rẽ của các thế lực phản động. Đó là vấn đề tiên quyết để ổn định

hoà bình, an ninh để phát triển của cả hai nước.

CHÚ THÍCH

1. Cayxôn Phômvihản: Về cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào, NXB ST, H.1986, tr 176 - 177 - 178.
2. Báo cáo chính trị của BCHTU Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, NXBST, H.1977.
3. Đại hội III Đảng Nhân dân cách mạng Lào, NXB Sự thật, H. 1983, tr 53.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, NXB Sự thật, H. 1982, T1, tr 147.
5. Tuyên bố chung Việt Nam - Lào, ngày 11-2-1976, hồ sơ: Văn kiện về đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Lào do đồng chí Cayxôn Phômvihản dẫn đầu sang thăm nước ta từ 5 - 11-2-1976, ký hiệu A.29, số 503, tập lưu của Tổ Lào, Vụ Á châu 2, Bộ Ngoại giao, tr 6.
6. Việc rút quân tình nguyện Việt Nam, Bộ quốc phòng, Cục 100, Hồ sơ 519, Á châu 2, Phòng Lưu trữ Bộ Ngoại giao.
7. Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHDCND Lào ký ngày 18-7-1977 tại Viên Chăn, Hồ sơ số 514 /3, Vụ Châu Á 2, Bộ Ngoại giao, tr 1.
8. Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHDCND Lào ký ngày 18-7-1977 tại Viên Chăn, Hồ sơ số 514 /3, Vụ Châu Á 2, Bộ Ngoại giao, tr 2.